TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **269** 2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông **Châu Vũ Bình;**

2. Ông **Nguyễn C Trực;**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 68/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST–HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: **Huỳnh Văn C,** sinh năm 1992; (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn**: **Phùng Thị D,** sinh năm 1990; (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Huỳnh Văn C trình bày: anh và chị D cưới nhau vào năm 2014 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B theo số 101/2014, ngày 07/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay tranh cãi. Anh và chị D đã sống ly thân từ ngày 17/4/2015 cho đến nay. Nay anh D nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Đối với chị Phùng Thị D từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng chị D vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa, anh C vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho anh được ly hôn chị D. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: anh C trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của anh Huỳnh Văn C về việc tranh chấp ly hôn với chị Phùng Thị D có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Anh Huỳnh Văn C và chị Phùng Thị D tự nguyện tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị D là hôn nhân hợp pháp. Nay, anh C xin ly hôn với chị D nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về hôn nhân: Anh C và chị D xác lập hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang số 101/2014, quyển số 01/2014 ngày 07/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay tranh cãi. Xét thấy, anh C và chị D từ lúc phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh chị sống ly thân từ ngày 17/4/2015 đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị D nhưng chị vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh C, điều đó chứng tỏ chị D không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh C. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Anh C trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với chị Phùng Thị D vắng mặt tại tòa không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng chị D vẫn vắng mặt nên áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn C.

1/ Anh Huỳnh Văn C được ly hôn với chị Phùng Thị D.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung: Không có

4/ Về nợ chung**:** Không có.

5/ Về án phí: Anh Huỳnh Văn C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0015676 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tiền Giang nên anh C đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Chị Phùng Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSNDHCG-TG
-Chi cục THADSHCG;
- UBND xã B;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng